TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-10-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Cẩm T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Đường số 33, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh M, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp BG, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồ Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M chung sống vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng và gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thay đổi được quan điểm. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh M và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu B, sinh ngày 04/4/2006 hiện cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Tố A, sinh ngày 29/5/2009, sau khi ly hôn nguyện vọng của cháu Tố A muốn ở với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Anh Trần Thanh M trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc chung sống không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như chị T trình bày là đúng. Anh thống nhất ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị T trình bày. Cháu Thu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Tố A muốn ở với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh M có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh M.

[3] Về con chung, xét thấy: Đối với cháu Thu B đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Chị T và anh M thống nhất cháu Tố A có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và theo biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 21/10/2024 cháu Tố A có nguyện vọng sống chung với chị T. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Tố A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị T và anh M xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Cẩm T và anh Trần Thanh M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tố A, sinh ngày 29/5/2009 cho chị Hồ Cẩm T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Thanh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001802 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng